

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 02/02/2024.

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Chu Văn Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Bộ và ông Phạm Văn Chỉ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Bốn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 316/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Y, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

** Bị đơn*: Anh Đặng Văn T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

** Người làm chứng*:

1. Ông Lê Văn G và bà Nguyễn Thị X.

Địa chỉ: Thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

2. Bà Lê Thị T1.

Địa chỉ: Đội 7, V, K, K, Hải Dương.

(Nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do; những người làm chứng đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, được bổ sung bởi biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đặng Văn T sau thời gian tự nguyện tìm hiểu đã đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương vào ngày 23/9/2011; sau khi đăng ký kết hôn thì vợ chồng về cư trú và sinh sống cùng mẹ đẻ anh T tại xã K, huyện Kim Thành được khoảng 06 tháng; sau đó vợ chồng chị mua

đất, làm nhà và chuyển sang sinh sống tại xã K (nay là xã K, huyện Kim Thành). Vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do con nhỏ, kinh tế khó khăn dẫn đến cãi nhau; anh T không dành cho chị sự quan tâm, chăm sóc, cụ thể: Cuối năm 2017, khi chị bị xảy thai, máu ra nhiều nên chị bảo anh T đưa đi bệnh viện cấp cứu nhưng anh T lấy lý do bận chờ hàng cho em gái nên không đưa chị đi, chị mặc dù bị xảy thai, máu ra nhiều nhưng vẫn phải tự đi xe đạp điện đến bệnh viện cấp cứu. Sau đó trong cuộc sống thì anh T không quan tâm gì đến vợ con, kinh tế khó khăn do anh T vay nợ nhiều, không rõ lý do chi tiêu, khi chị hỏi thì anh T nói là vay để làm nhà và con cái ốm đau. Năm 2020 chị đi lao động tại Nhật Bản, đến tháng 6 năm 2023 chị mới về nước, trong quá trình lao động tại Nhật Bản chị đã gửi toàn bộ số tiền lương khoảng gần 700.000.000 đồng để anh T trả nợ và lo cho con cái, khi chị về nước thậm chí không còn tiền mua vé máy bay, phải vay bạn bè mới có tiền mua vé máy bay về; tuy nhiên khi chị về nước thì số nợ cũ vẫn còn nhiều, chị không biết số tiền chị gửi về anh T sử dụng vào việc gì nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Thấy nợ còn nhiều, chị có bàn với anh T là chị sẽ tiếp tục đi lao động ở nước ngoài lấy tiền trả nợ thì anh T không đồng ý, túm cổ chị lôi xuống bếp, lấy dao đòi giết chị. Ngoài ra anh T thường xuyên coi thường, nói xấu bố mẹ đẻ chị và đe dọa chị. Từ thời gian này vợ chồng không nói chuyện với nhau, không quan hệ vợ chồng, vẫn thường xuyên xảy ra cãi nhau. Ban ngày thì chị về gia đình bố mẹ đẻ làm kinh doanh tự do và ăn cơm ở đó, đến tối về nhà chăm sóc các con; vợ chồng không quan tâm đến nhau, không ăn cơm cùng nhau. Suốt thời gian qua vợ chồng không khắc phục được mâu thuẫn, sống thân ai biết người đó và vẫn thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị có nói với mẹ chồng để can thiệp, nhưng mẹ chồng chị lại bênh anh T nên mâu thuẫn vợ chồng không được khắc phục. Đến nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng sống ly thân kéo dài, không quan tâm đến nhau, không thể tiếp tục chung sống nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Đặng Văn T.

2. Về con chung: Chị và anh T có 03 con chung là cháu Đặng Việt T2, sinh ngày 02/11/2013; Đặng Tiên M, sinh ngày 18/01/2016 và Đặng Lê Minh Kh, sinh ngày 20/01/2020. Hiện nay các cháu vẫn ở cùng vợ chồng chị, tuy nhiên do anh T lái xe tải thuê nên thường xuyên không ở nhà, việc nuôi dưỡng chăm sóc các con chủ yếu do chị lo liệu; chị đi làm phong bật nên chỉ chủ yếu làm vào thứ 7, chủ nhật, khi có công việc thì chị đưa cả 03 cháu nhờ mẹ đẻ trông nom, chăm sóc giúp, chị đi làm đến tối thì mẹ con chị lại về nhà. Anh T chỉ thỉnh thoảng đưa cho chị vài ba triệu và nói còn để dành tiền trả nợ. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi 02 con chung là Đặng Việt T2 và Đặng Tiên M và tự nguyện giao cháu Kh cho anh T nuôi dưỡng; chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay chị làm kinh doanh tự do (cho thuê và lắp ráp phong bật), thu nhập của chị mỗi tháng khoảng 10 triệu đồng; khi ly hôn, chị được sự giúp đỡ của bố mẹ đẻ về chỗ ăn ở, sinh hoạt và giúp chị trông nom, chăm sóc con cái nên đảm bảo điều kiện nuôi con chung.

Anh T hiện nay đang đi làm lái xe vận tải thuê cho em gái của anh T, thu nhập

bao nhiêu thì chị không được biết.

3. *Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng*: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Quan điểm của bị đơn**: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập các đương sự ngày 15/11/2023 đến Tòa án để làm việc, tại buổi làm việc này chị Y và anh T đều có mặt. Thẩm phán đã tiến hành giải thích quyền và nghĩa vụ đối với các đương sự, giao trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án và cho anh T trực tiếp xem các tài liệu, chứng cứ do Nguyên đơn nộp kèm theo Đơn khởi kiện. Sau khi tự đọc xong các văn bản tố tụng và tài liệu trên, anh T trình bày: Anh xác định trong cuộc sống có sai lầm với vợ, có 1 lần đánh chị Y, nhưng anh mong muốn chị Y bỏ qua để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con cái; chị Y xác định quan điểm không thể đoàn tụ vì anh T không tôn trọng vợ, nhiều lần có hành vi vũ lực với chị nên vợ chồng không thể tiếp tục chung sống. Sau khi chị Y trình bày quan điểm như vậy thì anh T từ chối ký Biên bản giao Thông báo thụ lý vụ án, từ chối làm việc và tự ý bỏ về. Sau đó nhiều lần Tòa án triệu tập Bị đơn đến để trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng Bị đơn đều vắng mặt không có lý do.

Theo yêu cầu của đương sự, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ về mâu thuẫn vợ chồng, về nuôi dưỡng con chung; cụ thể như sau:

- *Xác minh tại UBND xã K, Kim Thành*: Chị Lê Thị Y và anh Đặng Văn T kết hôn tại UBND xã K, hiện đang cư trú và sinh sống tại thôn P, xã K. Trong cuộc sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân về vấn đề kinh tế nên chị Y đã có thời gian bỏ về nhà mẹ để sống mấy tháng, sau đó lại về sống cùng anh T; thời gian gần đây chị Y lại tiếp tục đòi đi nước ngoài nhưng anh T không cho đi nên vợ chồng càng mâu thuẫn lớn hơn.

- *Ông Trần Hồng Ph (Trưởng thôn P, K, Kim Thành) cung cấp*: Vợ chồng chị Yên, anh T phát sinh mâu thuẫn về vấn đề kinh tế, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau.

- *Ông Lê Văn G (bố đẻ chị Y) khai*: Vợ chồng chị Y, anh T phát sinh mâu thuẫn do áp lực nợ nần dẫn đến cãi cọ nhau, vợ chồng làm lạnh được thời gian ngắn, sau đó lại mâu thuẫn cãi nhau. Ông đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, còn nếu vợ chồng không ở được với nhau thì tùy hai vợ chồng quyết định.

- *Bà Lê Thị T1 (là mẹ đẻ của anh T) khai*: Hiện nay bà đang bế con cho vợ chồng chị Y tại gia đình vợ chồng chị Y. Thời gian gần đây vợ chồng chị Y, anh T phát sinh mâu thuẫn do áp lực nợ nần nên xảy ra gần hắt, cãi cọ nhau chứ không có việc đánh nhau. Bà mong muốn vợ chồng chị Y, anh T đoàn tụ để nuôi dạy con cái; còn nếu chị Y kiên quyết xin ly hôn thì tùy chị Y.

- *Bà Nguyễn Thị X (là mẹ đẻ chị Y) khai*: Năm 2020 chị Y đi lao động tại Nhật Bản để lấy tiền trả nợ tiền vay làm nhà. Nhưng khi chị Y về nước thì có nhiều người đến đòi nợ, gia đình bà cũng như chị Y hoàn toàn không biết số tiền anh T nợ do sử dụng vào việc gì, vợ chồng bà có hỏi thì anh T nói là nợ hơn 1.000.000.000đ, mỗi tháng trả tiền lãi hơn 20.000.000đ nhưng cũng không giải trình là đã sử dụng số tiền

này vào việc gì và chỉ nói “*Nợ do con tự làm lên thì con sẽ có trách nhiệm trả*”. Khoảng cuối tháng 7/2023 thì con trai chị Y có nói với vợ chồng bà là cháu T đánh, dọa giết chị Y; vợ chồng bà có gọi chị Y sang nói chuyện thì anh T có thừa nhận có đánh chị Y và xin lỗi gia đình bà. Từ tháng 7/2023 thì mẹ con chị Y ăn cơm tại gia đình bà, tới đến mới về nhà; bà được biết các cháu mặc dù sống cùng nhà nhưng ngủ riêng, mỗi người một phòng. Về phía gia đình bà đã rất nhiều lần khuyên bảo anh T, nhưng anh T không thừa nhận sử dụng số tiền nợ vào việc gì và mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Y đến nay không được cải thiện. Thời gian gần đây, con chị Y (cháu T2) có nói với bà là cho mẹ con cháu ngủ nhờ vì anh T chửi bới chị Y và chửi cả vợ chồng bà, dọa giết cháu Y. Bà thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng cháu kéo dài, không được khắc phục nên đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Y theo quy định của pháp luật.

Vợ chồng chị Y có 03 con chung là cháu Đặng Việt T2, sinh ngày 02/11/2013; Đặng Tiến M, sinh ngày 18/01/2016 và Đặng Lê Minh Kh, sinh ngày 20/01/2020. Khi cháu Y đi Nhật Bản thì 02 cháu lớn ở cùng gia đình bà và vợ chồng bà lo ăn uống, học hành; từ tháng 7/2023 đến nay thì chị Y và 03 con vào gia đình bà ăn cơm cả ngày và bà giúp cháu việc đưa đón con đi học. Nếu vợ chồng chị Y ly hôn và chị Y được quyền nuôi con thì bà cam đoan sẽ tiếp tục tạo điều kiện cho mẹ con chị Y về chỗ ở (nếu cần thiết) cũng như hỗ trợ về kinh tế cũng như trông nom, chăm sóc con cái.

- *Cháu Đặng Việt T2, sinh ngày 02/11/2013; Đặng Tiến M, sinh ngày 18/01/2016 đều khai:* Thời gian qua bố mẹ các cháu có mâu thuẫn, các cháu có chứng kiến bố T, mẹ Y cãi nhau và bố T đánh mẹ Y; bố T chỉ thỉnh thoảng ăn cơm cùng các cháu. Nếu bố mẹ các cháu ly hôn thì cả 02 cháu đều có nguyện vọng tiếp tục được ở với mẹ để đảm bảo ổn định cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc và học tập.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và giải quyết vấn đề nuôi con chung khi ly hôn.

- Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật và của Tòa án; bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

Hướng giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Y, xử cho chị Y được ly hôn với anh Đặng Văn T. Về con chung: Áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, giao các cháu Đặng Việt T2, sinh ngày 02/11/2013; Đặng Tiến M, sinh ngày 18/01/2016 cho chị Lê Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Đặng Lê Minh Kh, sinh ngày 20/01/2020 cho anh Đặng Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ tháng 02/2024 đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Y về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T, chị Y

được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra vấn đề giải quyết. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật TTDS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Y chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn hiện đang cư trú tại xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 24/01/2024, Tòa án nhân dân huyện Kim Thành đã mở phiên tòa để xét xử vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đã được tổng đạt hợp lệ cho các đương sự, tuy nhiên tại phiên tòa bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa và tiếp tục tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập cho các đương sự. Tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia tố tụng tại phiên tòa lần 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lê Thị Y và anh Đặng Văn T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương vào ngày 17/02/2018 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Căn cứ các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, xác định: Trong thời kỳ hôn nhân thì vợ chồng chị Y, anh T phát sinh mâu thuẫn; mặc dù mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng cuộc sống tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh T đến để trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình thì anh T đến Tòa án làm việc, không ký nhận các văn bản tố tụng và trình bày lời khai sau đó tự ý bỏ về; Tòa án tiếp tục nhiều lần triệu tập anh T tham gia phiên hòa giải, xét xử nhưng anh T đều vắng mặt; điều này không những thể hiện sự không tuân thủ, chấp hành quy định của pháp luật mà còn không thể hiện nguyện vọng hòa giải đoàn tụ. Mặt khác, trong suốt quá trình Tòa án xem xét giải quyết yêu cầu khởi kiện thì mâu thuẫn vợ chồng không được khắc phục, anh T cũng không có những biện pháp cụ thể để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng và chị Y vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn. Do vậy, có đủ căn cứ để xác định đến thời điểm hiện tại vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Y về việc ly hôn với anh Đặng Văn T.

[4] *Về con chung*: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Đặng Việt T2, sinh ngày 02/11/2013; Đặng Tiến M, sinh ngày 18/01/2016 và Đặng Lê Minh Kh, sinh ngày 20/01/2020. Khi ly hôn, chị Y có nguyện vọng được trực tiếp nuôi 02 con chung là cháu Đặng Việt T2; Đặng Tiến M; tự nguyện giao cháu Đặng Lê Minh Kh cho anh T nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị Y có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi 02 con chung là cháu T2 và cháu M, chị có công việc và thu nhập ổn định, được gia đình bố mẹ đẻ tạo điều kiện hỗ trợ về chỗ ở cũng như kinh tế trong việc nuôi con; cháu T2 và cháu M cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Do vậy để đảm bảo quyền lợi về nuôi con chung khi ly hôn cũng như quyền lợi mọi mặt của con chung trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc và học tập; cần tiếp tục giao cháu T2 và cháu M cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Kh cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Y về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] *Về tài sản, nợ chung vợ chồng*: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[6] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

* *Căn cứ*: Điều 39 của Bộ luật dân sự. Các Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 và Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

* *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Y*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Thị Y được ly hôn với anh Đặng Văn T.
- *Về con chung*: Giao cho chị Lê Thị Y được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đặng Việt T2, sinh ngày 02/11/2013 và cháu Đặng Tiến M, sinh ngày 18/01/2016; giao cho anh Đặng Văn T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Lê Minh Kh, sinh ngày 20/01/2020. Thời điểm thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tính từ tháng 02/2024 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị Y về việc không yêu cầu anh Đặng Văn T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

- *Về tài sản, nợ chung vợ chồng*: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Lê Thị Y chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm; được đối trừ với số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0001774 ngày 31/10/2023. Đương sự đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm; vắng mặt các đương sự. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

*** Nơi nhận:**

- VKSND huyện Kim Thành.
- Chi cục THADS huyện Kim Thành.
- UBND xã Kim Liên, Kim Thành.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Chu Văn Nghĩa

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trọng Bộ Phạm Văn Chỉ

Chu Văn Nghĩa